

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH - TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Phúc Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Kiều Hương;

2/ Bà Đinh Thị Hạnh;

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 43/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 2 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2018, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 48/2018/QĐ-TĐ, ngày 28/5/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1979. HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Tạm trú tại: Đường L, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1975. HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Tạm trú tại: Đường L, khu phố B, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 31/01/2018, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc L trình bày: Chị và Hoàng Văn D tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đức Tài vào năm 1999. Sau khi kết hôn chị và anh D chung sống không hạnh phúc. Chị cho rằng anh D hay ghen tuông chị nên thường xuyên gây gổ với chị, anh làm để tiền riêng không phụ giúp về kinh tế để chị nuôi con, ngoài ra anh D còn quan hệ ngoại tình nên vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau. Hiện nay anh, chị đã ly thân khoảng 7 tháng. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D nữa, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D. Về con chung: Trong đơn khởi kiện, chị trình bày chị và anh D có 03 con chung là Hoàng Thúy H, sinh năm 1999, Hoàng Lê Quốc H1, sinh năm: 2004 và Hoàng Lê Quốc H2, sinh năm 2012, chị yêu cầu giải quyết trách nhiệm nuôi con chung. Nhưng đến ngày 20/3/2018 chị có đơn xin rút lại một phần đơn khởi kiện nói trên về phần con chung. Chị L đã có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt chị.

Theo biên bản xác minh ngày 28/3/2018 đối với ông Hoàng Tư, là cha ruột của anh Hoàng Văn D đã trình bày như sau: Các thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp và thông báo kết quả phiên họp do tòa án giao, ông đã giao lại cho anh D. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị L và anh D là do vợ chồng anh chị không tin tưởng nhau. Ông Tư cho biết, ông có trao đổi với anh D thì được biết anh D không quan tâm tới việc chị L khởi kiện ly hôn nên anh D không đến tòa án.

Tòa án đã tiến hành triệu tập anh D nhiều lần nhưng anh D không đến tòa án.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp.

Ý kiến của kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, của thư ký và của các đương sự: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý hồ sơ đúng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật, thư ký đã tuân thủ đúng pháp luật, HĐXX đã tiến hành xét xử đúng trình tự luật định, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh D 02 lần nhưng anh vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ, nên chấp nhận. Về con chung: Các đương sự không tranh chấp nên không cần xem xét trong bản án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa và kết quả thảo luận của Hội đồng xét xử về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc L là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[4] Nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc L và anh Hoàng Văn D đã tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đức Tài theo giấy chứng nhận kết hôn số 13/99, quyển số 01, ngày 29/01/1999. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn anh, chị đã không biết thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau mà mất lòng tin lẫn nhau, thường xuyên gây gổ, cãi nhau làm cho tính cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày một trầm trọng. Anh chị đã ly thân khoảng 7 tháng và không thể hàn gắn lại được. Chị L yêu cầu được ly hôn anh D. Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh D không đến tòa án. Cho thấy rằng anh D không còn quan tâm đến chị L nữa nên bỏ mặc chị L muốn làm gì thì làm. Cho thấy cuộc hôn nhân này đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc cho anh, chị và các con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L, giải quyết cho chị Ly hôn anh D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Nguyên đơn Lê Thị Ngọc L rút lại một phần đơn khởi kiện về việc tranh chấp nuôi con, đây là ý kiến tự nguyện của chị L nên xem xét đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Xét thấy các đương sự không tranh chấp nên không cần xem xét.

Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên chị phải chịu toàn bộ án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do bị đơn Hoàng Văn D không đến tòa án, nên không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tranh chấp nuôi con.

2/ Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Ngọc L:

- **Về hôn nhân:** Chị Lê Thị Ngọc L ly hôn anh Hoàng Văn D.

3/ **Về án phí DSST:** Chị Lê Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0018211 ngày 05/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Chị L đã nộp đủ án phí DSST.

4/ **Về quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn Lê Thị Ngọc L và bị đơn Hoàng Văn D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- CC THA huyện Đức Linh;
- Các đương sự
- UBND thị trấn Đức Tài;
- TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ, bản án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Phúc Thị Thu Hà